

Bản án số: 41/2019/HS-ST
Ngày 17/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hiền

Ông Nguyễn Đức Đạt.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký

Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. PHẠM VĂN Q, sinh năm 1995 (tên gọi khác: không); HKTT: xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, Đảng phái: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn C, sinh năm 1969 và bà Tạ Thị T, sinh năm 1975. Gia đình bị cáo có 3 anh em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2018 đến ngày 01/01/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. PHẠM THANH L, sinh năm 1997 (tên gọi khác: không); HKTT: xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, Đảng phái: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975. Gia đình bị cáo có 3 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2018 đến ngày 01/01/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Anh Dư Văn L1, sinh năm 1977; HKTT: xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở: Số nhà 18, tổ dân phố P, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Xin vắng mặt

2. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1993; Địa chỉ: đội 1, thôn V, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt

3. Anh Dương Ngọc V, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 93, tổ 5, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt

4. Anh Dương Đức Th, sinh năm 1993; Địa chỉ: Xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt

5. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1997; Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Xin vắng mặt

6. Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1975; Địa chỉ: Xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt

7. Anh Trần Văn H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Q, sinh năm 1995 và Phạm Thanh L, sinh năm 1997 cùng có HKTT tại: xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đều là công nhân của xưởng nhôm kính sắt thuộc Công ty CP TMQT A có địa chỉ ở tổ dân phố H, phường D, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội do anh Dư Văn L, sinh năm 1977, HKTT: xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình làm chủ.

Ngày 23/12/2018, anh Dư Văn L1 cho Phạm Văn Q và Phạm Thanh L nghỉ việc nhưng chưa thanh toán 02 tháng tiền lương cho Q và L. Lúc này, Q và L đi thuê nhà nghỉ ở khu đô thị Nam Cường để chờ anh L1 trả lương. Sáng ngày 24/12/2018, Q có gọi điện hỏi thì được biết anh L1 vẫn chưa trả tiền lương cho Q và L. Do bức xúc vì việc anh Dư Văn L1 không trả lương cho mình, Q đã rủ L trộm cắp tài sản tại xưởng của anh L1 để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để thực hiện ý định trộm cắp tài sản, khoảng 09 giờ 00 phút sáng ngày 25/12/2018 Q và L đi bộ về xưởng, thấy cửa xưởng khóa, không có ai nên Q đã lấy chìa khóa chuẩn bị từ trước mở cửa xưởng rồi cùng L đi vào bên trong. Tới nơi, thấy trong xưởng còn nhiều sắt hộp các loại nên Q và L đi ra cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Trần Thị T, sinh năm 1984, trú tại: tổ dân phố H, phường D, quận Hà Đông,

thành phố Hà Nội, hỏi: “*Chị có mua sắt vụn thì sang xưởng mua*”, chị T đồng ý cùng Q và L đi đến xưởng của anh L1. Tại xưởng nhà anh L1, Q chỉ cho chị T tất cả số sắt hộp, sắt vụn ở hai bên xưởng để bán. Chị T hỏi “*Hôm nay dọn xưởng à, cân hết à*” thì Q trả lời “*vâng*”. Chị T cân được tổng số 785 kg sắt vụn, sắt hộp các loại và trả cho Q và L số tiền 5.650.000 đồng.

Sau khi bán được số sắt cho chị T, Q và L tiếp tục đi vào khu bếp bên trong xưởng của anh L1 thấy có 02(hai) chiếc tủ lạnh và 01(một) chiếc điều hòa cây; Q đã sử dụng điện thoại đăng nhập vào trang web “suadienlanhb....com”, gọi theo số hotline 034.806.5xxx để tìm người mua tủ lạnh, điều hòa thì gặp anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1993; HKTT: xã T, huyện T, thành phố Hà Nội là chủ Trung tâm sửa chữa điện lạnh B tại số 123 phố T, quận H, TP.Hà Nội nhận mua. Sau đó, anh T cử anh Dương Ngọc V, sinh năm 1991 và anh Dương Đức Th, sinh năm 1993 đều là nhân viên của trung tâm đến xưởng để thu mua điều hòa, tủ lạnh. Tại đây, Q và L đã bán cho anh V và anh Th 02(hai) chiếc tủ lạnh nhãn hiệu HITACHI màu xanh và 01(một) chiếc điều hòa cây nhãn hiệu YUIKI màu trắng lấy tổng số tiền là 4.200.000 đồng.

Nhìn thấy trong xưởng vẫn còn các loại máy dùng để làm cơ khí nên Q và L đã bàn nhau lấy các loại máy đó mang đi gửi tại phòng trọ của Nguyễn Văn C, sinh năm 1997 (là bạn của Q và L), trú tại: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, đang thuê trọ tại phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Q gọi điện thoại và nói với anh C “*cho gửi ít đồ máy móc, máy hôm nữa mang về công trình*”, C đồng ý. Lúc này, Q dùng điện thoại gọi cho ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1962, trú tại: phường Đ, N, Hà Nội là lái xe vận chuyển hàng hóa bằng xe thương binh đến và chở số máy móc, Tết bị bao gồm: 04(bốn) máy khoan, 02(hai) máy hàn, 05(năm) máy cắt, 01(một) máy soi, 01(một) cuộn dây điện dài khoảng 30m, 01(một) bếp từ đôi, 02(hai) súng phun sơn, 02(hai) hộp lưỡi cắt đến nơi thuê trọ của C. Sau khi lấy trộm được số tài sản trên, Q và L đóng cửa xưởng lại, bắt xe đi Hải Phòng tìm việc làm và ăn tiêu hết số tiền 1.700.000 đồng trong số 9.850.000 đồng, còn lại số tiền 8.150.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 25/12/2018 anh Dư Văn L1 có đơn trình báo đến Công an phường Dương Nội về việc bị mất trộm tài sản như đã nêu trên.

Cùng ngày, Phạm Văn Q và Phạm Thanh L đến Công an phường Dương Nội đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Đối với số sắt chị Trần Thị T mua của Q và L:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/12/2018, chị Trần Thị T thấy anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1975; HKTT: xã T, huyện M, thành phố Hà Nội, làm ở xưởng cơ khí tại khu đất dịch vụ thuộc tổ dân phố H, phường Dương Nội đi qua nhà nên đã gọi anh Ch vào mua sắt. Anh Ch chọn mua 335kg sắt trong tổng số 785 kg sắt chị T đã mua của Q và L. Chị T bán cho anh Ch với giá 12.000 đồng/kg, anh Ch đã thanh toán cho chị T số tiền 4.000.000 đồng rồi chở số sắt trên về xưởng.

Sau đó, chị T tiếp tục gọi cho anh Trần Văn H, sinh năm 1992, HKTT: xã A, huyện H, thành phố Hà Nội (là em trai ruột của chị T, cùng làm nghề thu mua sắt vụn) đến bán cho anh H 450 kg sắt còn lại, chị T thỏa thuận bán với số tiền 7.200 đồng/kg nhưng anh H chưa thanh toán tiền cho chị T.

Vật chứng của vụ án thu giữ được gồm:

Thu giữ của Phạm Văn Q số tiền 8.150.000 đồng là tiền do Q và L thu lợi bất chính từ việc bán sắt mà có, 01(một) chiếc điện thoại di động Iphone 5S màu trắng (đã qua sử dụng) và 01 chìa khóa.

Thu giữ của anh Trần Văn H 450 kg sắt hộp các loại đã bị cắt ngắn.

Thu giữ của anh Nguyễn Văn Ch: tổng số 335 kg sắt gồm: 02 thanh sắt hộp KT(3x6)cm; 22 thanh sắt hộp KT(1x2,5)cm; 01 thanh sắt hộp KT (5x5) cm; 04 thanh sắt hộp KT (3x3) cm; 02 thanh sắt hộp (2,5x2,5) cm; khung rào sắt KT (1x4) m và 43,5 kg sắt hộp các loại đã bị cắt ngắn.

Thu giữ của Nguyễn Văn C: 02 máy hàn trần không rõ chủng loại; 01 máy hàn điện tử nhãn hiệu Rivcen; 01 máy cắt bàn nhãn hiệu Jetman; 01 máy cắt bàn nhãn hiệu Carlion; 01 máy soi nhãn hiệu Feyada; 01 máy cắt cầm tay T-Feng; 01 máy khoan cầm tay Makita; 01 máy khoan cầm tay Bosch; 02 máy khoan cầm tay không rõ nhãn hiệu; 03 cuộn dây điện Cadisun; 01 máy cắt nhôm nhãn hiệu FEG; 01 máy khoan cầm tay; 01 máy cắt cầm tay không rõ nhãn hiệu; 01 bếp từ đôi nhãn hiệu Haland; 02 súng phun sơn; 02 hộp lưỡi cắt.

Thu giữ của Dương Ngọc V: 01 tủ lạnh nhãn hiệu Hitachi màu xanh dung tích 164 lít; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Hitachi màu xanh dung tích 180 lít; 01 điều hòa cây nhãn hiệu YUIKI màu trắng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 266/KL-HĐĐG ngày 26/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Hà Đông, kết luận: *Tổng trị giá tài sản của vụ trộm cắp tài sản tại thời điểm định giá là 30.950.000 đồng.*

Ngày 19/02/2019, Q và L đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.700.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Chị Trần Thị T đã trả lại anh Nguyễn Văn Ch số tiền 4.000.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số 52/ CT-VKS-HĐ ngày 24/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Phạm Văn Q và Phạm Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện VKSND quận Hà Đông thực hành quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo tại Cáo trạng và điều luật đã viện dẫn, nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất

mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q và Phạm Thanh L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn Q từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Bị cáo Phạm Thanh L từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Đình T số tiền 4.200.000 đồng, chị Trần Thị T số tiền 5.650.000 đồng.

Người bị hại là anh Dư Văn L1 đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Số tiền 9.850.000 đồng các bị cáo thu lợi bất chính đề nghị bồi thường trả lại cho anh Nguyễn Đình T 4.200.000 đồng, chị Trần Thị T 5.650.000 đồng.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01(một) chiếc điện thoại di động Iphone 5S màu trắng (đã qua sử dụng) của Phạm Văn Q.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 chìa khóa bằng kim loại màu bạc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an quận Hà Đông; Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:* Khoảng 09 giờ ngày 25/12/2018, tại xưởng nhôm kính sắt thuộc Công ty CP TMQT A có địa chỉ ở tổ dân phố H, phường D, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Phạm Văn Q và Phạm Thanh L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Dư Văn L1 là chủ xưởng tổng số 785 kg sắt vụn, sắt hộp các loại và một số tài sản, máy móc, thiết bị trong xưởng. Tổng trị giá tài sản là 30.500.000 đồng. Hành vi của Phạm Văn Q và Phạm Thanh L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tại quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo ra đầu thú và tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính; toàn bộ tài sản đã được thu hồi giao trả người bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được xem xét áp dụng đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] *Về vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hình phạt áp dụng:*

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Phạm Văn Q là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Phạm Thanh L. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần phải có mức án thích hợp đối với các bị cáo nhằm mục đích giáo dục, cải tạo và mang tính răn đe, phòng ngừa chung.

Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, ra đầu thú và giao nộp số tiền thu lợi bất chính. Việc cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo và đảm bảo phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật

[5] *Hình phạt bổ sung:* Do các bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Đối với chị Trần Thị T là người đã mua sắt của Q và L; anh Nguyễn Văn Ch, anh Trần Văn H là người mua sắt của chị Trần Thị T; anh Dương Ngọc V, Dương Đức Th là người mua điều hòa, tủ lạnh của Q và L; anh Nguyễn Văn C là người Q gửi số máy móc của xưởng. Chị T, anh Ch, anh H, anh V, anh Th, anh C đều không biết là tài sản do Q và L phạm tội mà có nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị T, anh Ch, anh H, anh V, anh Th, anh C.

Ngoài ra, anh Dư Văn L1 còn có đơn trình báo về việc: Ngoài hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 25/12/2018, thì trong khoảng thời gian từ ngày 08/12/2018 đến ngày 15/12/2018 Phạm Văn Q và Phạm Thanh L đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xưởng. Việc Q và L thực hiện hành vi trộm cắp có Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1993; HKTT: xóm T, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình là người chứng kiến. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra yêu cầu anh L1 cung cấp hóa đơn chứng từ xuất, nhập số hàng hóa bị trộm cắp. Tuy nhiên, anh L1 chỉ cung cấp được một số hóa đơn nhập hàng, còn hóa đơn xuất hàng anh L1 không xuất trình được. Đồng thời, Cơ quan CSĐT Công an quận Hà Đông tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Thành Tr thì anh Tr không thừa nhận đã chứng kiến, anh Tr không biết gì về việc Q và L trộm cắp tài sản tại xưởng như

anh L1 đã trình bày. Do đó, chưa đủ căn cứ để chứng minh việc Q và L đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xưởng của anh L1 từ ngày 08/12/2018 đến ngày 15/12/2018.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Dư Văn L1 đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị T, anh Nguyễn Đình T (nhân viên là anh Dương Ngọc V, Dương Đức Th) không biết tài sản các bị cáo bán cho mình là tài sản do trộm cắp mà có, được nhận lại số tiền: chị Trần Thị T 5.650.000 đồng, anh Nguyễn Đình T 4.200.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 9.850.000 đồng là tiền do Q và L thu lợi bất chính được trả lại cho chị Trần Thị T 5.650.000 đồng; anh Nguyễn Đình T 4.200.000 đồng.

- 01(một) chiếc điện thoại di động Iphone 5S màu trắng (đã qua sử dụng) của Phạm Văn Q dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

- 01 chìa khóa bằng kim loại màu bạc các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Q và Phạm Thanh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

- Bị cáo Phạm Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Bị cáo Phạm Thanh L 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật T hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Trả lại cho chị Trần Thị T số tiền 5.650.000 đồng; trả lại anh Nguyễn Đình T số tiền 4.200.000 đồng trong tổng số tiền 9.850.000 đồng (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục T hành án dân sự quận Hà Đông ngày 05/4/2019 tại Kho bạc nhà nước Hà Đông).

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01(một) chiếc điện thoại di động Iphone 5S màu trắng (đã qua sử dụng);

- Tịch thu, tiêu hủy 01 chìa khóa bằng kim loại màu bạc;

(Tang vật được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/4/2019).

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí toà án: buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Văn

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA quận Hà Đông;
- CA quận Hà Đông;
- Bị cáo; Bị hại; NLq;
- Lưu hồ sơ.